

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 865/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Duyên hải Bắc Bộ
đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-TW ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị: “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010 và tầm nhìn 2020”;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-TW ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chiến lược biển Việt Nam tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 32/TTr-BXD ngày 29 tháng 4

năm 2008 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Duyên hải Bắc Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng Vùng Duyên hải Bắc Bộ đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu phát triển

Phát huy mọi tiềm năng lợi thế để phát triển Vùng Duyên hải Bắc Bộ thành vùng kinh tế tổng hợp (công nghiệp, du lịch và dịch vụ...) có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã

hội của cả nước, đặc biệt là chiến lược kinh tế biển Việt Nam. Phát huy vai trò vùng cửa ngõ hướng biển của miền Bắc Việt Nam trên cơ sở xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật diện rộng cấp vùng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh, bảo đảm phát triển bền vững cho toàn Vùng.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050 Vùng Duyên hải Bắc Bộ là một vùng kinh tế quan trọng tầm quốc gia và quốc tế, có vị thế ảnh hưởng đặc biệt với Vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế Nam Trung Quốc và vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ, là một vùng trọng điểm của chiến lược biển Việt Nam. Là khu vực phát triển năng động, có môi trường đầu tư thuận lợi, chất lượng sống đô thị nông thôn cao. Đồng thời là trung tâm văn hóa - lịch sử, đào tạo nguồn nhân lực và là trung tâm du lịch lớn của cả nước.

3. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch của Vùng Duyên hải Bắc Bộ bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Hải Phòng và 4 tỉnh: Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình với diện tích tự nhiên khoảng 12.005,93 km². Phạm vi nghiên cứu bao gồm Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và các khu vực liên quan đến phát triển

không gian kinh tế - xã hội của Vùng trong Tầm nhìn hướng tới 2050.

4. Dự báo dân số

a) Dân số toàn vùng:

- Hiện trạng dân số toàn vùng năm 2005: khoảng 7,6 triệu người;

- Dự kiến đến năm 2015: 8,3 - 8,65 triệu người;

- Dự kiến đến năm 2025: 8,7 - 9,0 triệu người.

b) Dân số đô thị:

- Dân số đô thị toàn vùng năm 2005: khoảng 1,86 triệu người;

- Dự kiến đến năm 2015: khoảng 2,5 - 2,8 triệu người;

- Dự kiến đến năm 2025: khoảng 4,5 - 5,0 triệu người.

c) Tỷ lệ đô thị hóa:

- Năm 2005: 24,54% (toàn quốc 27,12%);

- Dự kiến năm 2015 đạt 38 - 42%;

- Dự kiến năm 2025 đạt khoảng 55 - 60,0%.

5. Quy hoạch sử dụng đất

- Hiện trạng diện tích đất tự nhiên toàn Vùng Duyên hải Bắc Bộ là 12.005,93 km² (1.200.593 ha);

- Dự kiến năm 2015 đất xây dựng đô thị khoảng 40.280 - 45.100 ha chiếm 3,75%

diện tích tự nhiên, bình quân 135 - 160 m²/người; đất công nghiệp khoảng 20.500 - 27.500 ha chiếm 2,29% diện tích đất tự nhiên; đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 57.000 - 65.000 ha;

- Dự kiến năm 2025 đất xây dựng đô thị khoảng 72.500 - 78.500 ha, chiếm 6,54% diện tích tự nhiên, bình quân 130 - 150 m²/người; đất xây dựng công nghiệp khoảng 44.000 - 53.000 ha, chiếm 4,42% diện tích tự nhiên; đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 34.700 - 35.000 ha.

6. Định hướng phát triển không gian vùng

a) Các định hướng chính phát triển Vùng Duyên hải Bắc Bộ:

- Vùng Duyên hải Bắc Bộ phát triển theo hướng vùng đô thị đa cực, phân bố theo tuyến liên kết giữa không gian thành phố Hải Phòng - Hạ Long là đô thị hạt nhân trung tâm vùng với các đô thị trung tâm tỉnh lỵ trên cơ sở các trục không gian chủ đạo: trục không gian quốc lộ 18, trục không gian quốc lộ 10, trục không gian tuyến cao tốc ven biển Vùng Duyên hải Bắc Bộ, trục không gian Đông Tây nối vùng châu thổ sông Hồng với Vùng Thủ đô Hà Nội, hành lang đường Hồ Chí Minh;

- Vùng đô thị hóa mạnh bao gồm không gian các đô thị công nghiệp dịch

vụ phát triển nổi kết theo trục: quốc lộ 18, quốc lộ 5; không gian các đô thị du lịch, kinh tế; hình thành trục không gian ven biển;

- Vùng động lực phát triển kinh tế, công nghiệp, dịch vụ tập trung trên trục kinh tế Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái. Trong đó Hải Phòng - Hạ Long là đô thị trung tâm vùng phát triển công nghiệp, cảng biển, dịch vụ, du lịch;

- Các đô thị trung tâm tỉnh lỵ được phát triển có quy mô và chất lượng đô thị với việc đầu tư hạ tầng xã hội - kỹ thuật gắn với phát triển công nghiệp - dịch vụ để phát triển cân đối, hài hòa với các đô thị trung tâm. Trong đó Nam Định, Móng Cái là đô thị trung tâm cấp vùng;

- Các đô thị trung bình, nhỏ, cấp huyện được phát triển gắn với các vùng nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông nghiệp thu hút lao động tại chỗ;

- Bảo vệ những vùng tự nhiên bao gồm các khu vực thấp kèm theo lưu vực sông, vùng thoát lũ, vùng các tuyến đê biển các vùng cảnh quan rừng quốc gia, các khu vực dự trữ sinh quyển, di tích lịch sử văn hóa và các vùng nông nghiệp.

b) Tổ chức phát triển không gian Vùng Duyên hải Bắc Bộ:

Không gian Vùng Duyên hải Bắc Bộ

được tổ chức thành 2 vùng: vùng đô thị hạt nhân và vùng phát triển đôi trọng.

- Vùng đô thị hạt nhân: thành phố Hải Phòng - Hạ Long nối kết phát triển thành vùng đô thị hạt nhân là động lực để phát triển Vùng Duyên hải Bắc Bộ và khẳng định vai trò cấp độ quốc gia quốc tế với các dịch vụ: thương mại, du lịch, cảng biển, công nghiệp trong mối liên kết với Vùng Thủ đô Hà Nội và các trung tâm phân vùng;

- Vùng phát triển đôi trọng: gồm 2 phân vùng. Trong đó các đô thị tỉnh lỵ đóng vai trò hạt nhân phát triển.

+ Phân vùng phía Bắc: không gian liên kết phát triển theo quốc lộ 18 và đường cao tốc Hà Nội - Hạ Long - Móng Cái gồm các đô thị phân bố theo dải: Đông Triều - Mạo Khê - Uông Bí - Cẩm Phả - Tiên Yên - Đầm Hà - Quảng Hà - Móng Cái và khu kinh tế Vân Đồn. Là trung tâm công nghiệp: luyện kim, năng lượng, đóng tàu, dịch vụ, cảng biển, khai thác mỏ và trung tâm dịch vụ du lịch quốc gia, quốc tế với di sản vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long;

+ Phân vùng phía Nam: gồm 3 tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Không gian vùng theo dải ven biển kết hợp cùng nông nghiệp châu thổ sông Hồng. Không gian được liên kết theo trục quốc lộ 10 và đường cao tốc ven biển. Trung

tâm phân vùng là thành phố Nam Định (phát triển thành trung tâm vùng Nam sông Hồng) và đô thị trung tâm tỉnh Thái Bình, Ninh Bình. Phát triển các đô thị ven biển: Diêm Điền, Tiền Hải, Hải Thịnh, Phát Diệm; phát triển các đô thị mới ở khu vực có tiềm năng phát triển: Hùng Thắng, Ngô Đồng, Quất Lâm, Cồn, Rạng Đông gắn với các khu bảo tồn thiên nhiên và rừng quốc gia Cúc Phương, khu Tràng An. Phân vùng bảo đảm yêu cầu an ninh lương thực, phát triển công nghiệp đóng tàu, chế biến thủy, hải sản, nông sản, trung tâm văn hóa - giáo dục đào tạo dịch vụ đô thị và trung tâm du lịch quốc gia.

c) Phát triển hệ thống dân cư, đô thị và dịch vụ hạ tầng xã hội:

Bảo đảm sự phát triển theo hướng bền vững với nguyên tắc tăng bậc, tập trung tại các trung tâm đô thị và vùng xung quanh, tiết kiệm đất đai, đầu tư các dịch vụ hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ tạo sức hút về dịch vụ hạ tầng, nhà ở và việc làm cho các đô thị trong vùng.

- Hệ thống đô thị được phân như sau:

+ Các thành phố cấp vùng và phân vùng: với sự liên kết 2 đô thị lớn trong vùng (Hải Phòng và Hạ Long) là trung tâm tổng hợp dịch vụ hoạt động kinh tế biển của Bắc Bộ, đồng thời là cửa ngõ chính ra biển của 2 hành lang kinh tế với

phía Nam Trung Quốc, là đô thị hướng biển gắn với công nghiệp - dịch vụ cảng biển, dịch vụ thương mại, tài chính ngân hàng, dịch vụ du lịch, trung tâm y tế, giáo dục và đào tạo;

+ Đô thị cấp phân vùng và vùng tỉnh gồm các thành phố: Móng Cái (trung tâm phân vùng phía Bắc), Nam Định (trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng); Thái Bình, Ninh Bình là trung tâm hành chính chính trị của tỉnh, là hạt nhân phát triển của các tỉnh, phát triển theo hướng thúc đẩy các chức năng chuyên ngành, đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội - kỹ thuật gắn các vùng công nghiệp và dịch vụ đô thị, thu hút lao động và phát triển các công trình lớn của vùng;

+ Các đô thị chuyên ngành chủ yếu gắn liền các khu du lịch, khu kinh tế, khu công nghệ cao như Vân Đồn, Cát Bà, Đồ Sơn, Cát Hải, Tràng An v.v...

+ Các đô thị, thị trấn, huyện lỵ là trung tâm hành chính chính trị cấp huyện, trung tâm công nghiệp vừa và nhỏ, dịch vụ dân cư nông nghiệp, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, phát triển các nghề thủ công, dịch vụ thương mại, dịch vụ nông nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ công cộng và hệ thống hạ tầng nông thôn.

d) Tổ chức không gian công nghiệp Vùng Duyên hải Bắc Bộ:

Hình thành các khu vực công nghiệp chính trong vùng theo hướng bố trí không gian phát triển toàn vùng trên cơ sở tận dụng các lợi thế của vùng và của từng địa phương, bao gồm:

- Vùng đô thị hạt nhân:

+ Phát triển các ngành công nghiệp chủ đạo; phát triển công nghiệp công nghệ cao: đóng tàu, sản xuất vật liệu, xây dựng, luyện kim, điện năng, cơ khí điện tử, chế biến thủy, hải sản .v.v...

+ Các khu công nghiệp nằm trong trung tâm nội đô của thành phố cần được rà soát để đưa ra khỏi trung tâm đô thị.

- Các vùng đối trọng:

+ Vùng công nghiệp đường 18: phát triển công nghiệp năng lượng, vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, cơ khí. Phát triển trục không gian công nghiệp - đô thị theo hành lang kinh tế Côn Minh - Hạ Long và phát triển theo hướng Hạ Long - Móng Cái;

+ Khu công nghiệp đô thị gắn với đường cao tốc ven biển: công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, dịch vụ sản xuất nông nghiệp;

+ Vùng công nghiệp gắn với đô thị Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình: phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, công

nghiệp điện tử, cơ khí nhẹ, sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến lương thực thực phẩm. Vùng công nghiệp vật liệu xây dựng Ninh Bình cần được kiểm soát bảo đảm phát triển theo quy hoạch.

- Vùng trọng điểm công nghiệp:

Vùng trọng điểm công nghiệp của Vùng Duyên hải Bắc Bộ tập trung chủ yếu khu vực Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành hành lang kinh tế chủ đạo của vùng kết nối với quốc lộ 5, quốc lộ 18, quốc lộ 10 với Vùng Thủ đô Hà Nội thành hành lang đô thị mạnh với các đô thị trung tâm phát triển lớn và các cụm công nghiệp - đô thị dịch vụ xen kẽ trên toàn trục hình thành một vùng phát triển động lực cho Vùng Duyên hải Bắc Bộ.

Đối với các khu công nghiệp tập trung, khu công nghiệp công nghệ cao đẩy nhanh tiến độ xây dựng theo quy hoạch để đưa vào hoạt động. Trước mắt cần tập trung tạo mặt bằng thuận lợi, chính sách thu hút đầu tư trong và ngoài nước để lấp đầy các khu công nghiệp hiện có. Rà soát quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp toàn vùng nhằm bảo đảm phát triển bền vững, cân đối bảo đảm môi trường. Quy hoạch đồng bộ khu dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật xã hội phục vụ khu công nghiệp.

đ) Tổ chức không gian du lịch vùng:

- Tiềm năng du lịch vùng:

Vùng Duyên hải Bắc Bộ có tiềm năng du lịch rất lớn, đặc biệt tập trung ở các tỉnh thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình, đây là vùng có cảnh quan thiên nhiên lớn, các vùng sinh thái biển đảo, ven biển di tích văn hóa lịch sử, làng nghề truyền thống. Trong vùng có các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia: vườn quốc gia Cát Bà, Cúc Phương, khu bảo tồn Ba Mùn - Bái Tử Long, khu bảo tồn thiên nhiên vịnh Hạ Long, Kỳ Thượng, Xuân Thủy, Yên Tử, Vân Long; 9 vùng đất ngập mặn, 2 khu bảo tồn biển: đảo Bạch Long Vĩ, đảo Cát Bà. Tiềm năng về du lịch, văn hóa, lịch sử, là khu vực tập trung nhiều di tích văn hóa, lịch sử, trong đó có nhiều di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng.

+ Du lịch sinh thái biển, đảo gắn với du lịch văn hóa lịch sử lễ hội, du lịch các làng nghề nông nghiệp châu thổ sông Hồng và là các điểm du lịch vệ tinh của Vùng Thủ đô Hà Nội;

+ Hệ thống tuyến du lịch là sự liên kết giữa các trung tâm du lịch biển đảo, các điểm di tích văn hóa lịch sử, lễ hội có giá trị của Vùng Duyên hải Bắc Bộ tạo ra tuyến du lịch tuyến khép kín, đa dạng, liên tục;

+ Lựa chọn để đầu tư xây dựng một số trung tâm du lịch cấp quốc gia, quốc tế. Cấp quốc gia gồm: Trà Cổ, Cô Tô, Yên Tử, đền Trần (Nam Định) và các điểm

du lịch cấp vùng. Cấp quốc tế gồm: Hạ Long, Hải Phòng, Cát Bà, khu Tràng An, Hoa Lư, Ninh Bình.

- Tổ chức không gian du lịch Vùng Duyên hải Bắc Bộ:

+ Không gian trung tâm du lịch: thành phố Hải Phòng, thành phố Hạ Long, thành phố Thái Bình, thành phố Ninh Bình là nơi hội tụ các di tích lịch sử, văn hóa lễ hội truyền thống; vùng biển đảo thiên nhiên kỳ vĩ Hạ Long, Cát Bà, vùng thiên nhiên hang động;

+ Không gian du lịch vệ tinh: phát triển gắn với các đô thị trong vùng như thành phố Nam Định, thành phố Móng Cái, thành phố Thái Bình, vùng du lịch nghỉ mát Cồn Vành - Xuân Thủy:

- Các vùng du lịch lớn:

+ Vùng du lịch sinh thái biển đảo: Hạ Long - Cát Bà - Đồ Sơn;

+ Vùng du lịch sinh thái hang động, lịch sử văn hóa lễ hội; Tràng An, rừng quốc gia Cúc Phương, khu vực phụ cận suối nước nóng Canh Gà, khu ngập nước Vân Long. Vùng có các di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, các hang động thiên nhiên gắn liền với vùng rừng quốc gia Cúc Phương. Do vậy việc phát triển đô thị và công nghiệp vùng này cần phải được kiểm soát chặt chẽ bảo đảm phát triển bền vững không phá vỡ cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái vốn có;

+ Vùng du lịch văn hóa lễ hội Yên Tử, đền Nguyễn Bình Khiêm, đền Trần và các di tích lịch sử văn hóa rải rác trong vùng; vùng du lịch tham quan thắng cảnh tạo sự kết nối với du lịch Vùng Thủ đô Hà Nội.

e) Tổ chức định hướng phát triển hệ thống dịch vụ xã hội:

- Tổ chức hệ thống dịch vụ thương mại, y tế, thể dục thể thao:

+ Xây dựng các trung tâm thương mại đầu mối, với vai trò phát luồng điều hòa phân phối hàng hóa trong Vùng tại thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình;

+ Xây dựng trung tâm y tế chất lượng cao cấp Vùng tại thành phố Hải Phòng, thành phố Nam Định, chống quá tải cho các bệnh viện đầu ngành tại Thủ đô Hà Nội;

+ Xây dựng các trung tâm thể dục, thể thao cấp Vùng tại thành phố Hải Phòng, Nam Định.

- Tổ chức hệ thống đào tạo:

+ Tổ chức 3 trung tâm đào tạo của Vùng là: Hải Phòng, Nam Định, Hạ Long. Trong đó thành phố Hải Phòng đảm nhiệm chức năng trung tâm, nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho quốc gia và vùng đồng bằng sông Hồng. Hiện tại toàn vùng có 20 trường đại học và cao

đẳng các loại. Dự kiến phát triển thêm 15 trường đại học, cao đẳng để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho vùng;

+ Quy mô các trường công lập từ 10.000 đến 12.000 sinh viên, trường dân lập từ 6.000 đến 10.000 sinh viên, cao đẳng công nghệ 3.000 đến 5.000 sinh viên;

+ Việc phân bố hệ thống đào tạo các trường trong vùng tạo thêm động lực cho các đô thị phát triển, nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi kinh tế trong Vùng. Các trường đào tạo cần đầu tư phát triển lên cơ sở đào tạo, khu ở sinh viên, gắn mô hình liên kết với dịch vụ đô thị, công nghiệp hiện đại.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

Phát triển hệ thống giao thông vùng: đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh, nhằm kết nối một cách đồng bộ, thuận lợi giữa các địa phương, giữa vùng với các vùng lân cận và các tỉnh phía Nam Trung Quốc, làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trong vùng

- Đường ô tô

+ Xây dựng mới các tuyến đường cao tốc quan trọng, nối trung tâm Vùng

Duyên hải Bắc Bộ với Vùng Thủ đô Hà Nội:

. Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng;

. Đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long - Móng Cái;

. Đường cao tốc Bắc - Nam;

. Đường cao tốc ven biển (theo Nghị quyết số 09/NQ-TW ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ban Chấp hành Trung ương về chiến lược biển Việt Nam tầm nhìn đến năm 2020).

+ Cải tạo, nâng cấp quốc lộ, tỉnh lộ:

. Hoàn thiện việc xây dựng đường gom dọc tuyến quốc lộ 5, nhằm bảo đảm an toàn giao thông, đạt tiêu chuẩn cấp I đồng bằng;

. Cải tạo, nâng cấp các quốc lộ thuộc hệ thống vành đai phía Bắc: quốc lộ 4B thuộc vành đai I, quốc lộ 279 thuộc vành đai II, quốc lộ 37 thuộc vành đai III;

. Cải tạo nâng cấp quốc lộ 10 đoạn từ Quảng Ninh đến Nga Sơn (Thanh Hóa). Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống đường gom dọc quốc lộ 10;

. Cải tạo nâng cấp các quốc lộ 12B, 39, 21B, 37, 18C;

. Nâng cấp một số tỉnh lộ quan trọng lên quốc lộ, đưa một số tuyến huyện lộ lên tỉnh lộ, cải tuyến hoặc mở một số tuyến mới ở những khu vực cần thiết nhằm đạt tiêu chuẩn cấp III, IV...

+ Xây mới quốc lộ, tỉnh lộ:

. Xây dựng mới quốc lộ 21A theo tiêu chuẩn cấp I đồng bằng;

. Xây dựng mới tuyến đường nối Nam Định - Hà Nam - Hưng Yên (tuyến từ thành phố Nam Định đi Hòa Mạc nối với quốc lộ 39), Nam Định - Lâm - Thiên Tôn nối với đường Hồ Chí Minh và tuyến đường từ nút giao Liên Tuyền (Phủ Lý - Hà Nam) vượt sông Hồng đến tỉnh lộ 217 của tỉnh Thái Bình và nối với quốc lộ 10;

. Hoàn chỉnh tuyến đường vành đai biên giới, đường tuần tra trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo dự án đường biên giới do Bộ Quốc phòng đang triển khai;

. Xây dựng một số tuyến mới nhằm kết nối thuận tiện hơn giữa các tỉnh Thái Bình và Nam Định với Vùng Thủ đô.

- Đường sắt

+ Đường sắt quốc gia:

. Xây dựng mới các tuyến đường sắt quốc gia (theo tiêu chuẩn đường 1,435 m) đáp ứng nhu cầu vận tải của các hướng;

. Tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam;

. Đường sắt cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng;

. Đường sắt chạy song song với quốc lộ 4B từ Lạng Sơn đến Quảng Ninh tới cảng Mũi Chùa theo tiêu chuẩn đường

1,435 m (theo Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng vùng biên giới Việt - Trung đến năm 2020).

+ Đường sắt nội vùng:

. Xây dựng mới tuyến đường sắt Hạ Long - Móng Cái;

. Tuyến đường sắt Duyên hải nối Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh;

. Nâng cấp các tuyến đường hiện có vào cấp kỹ thuật quy định như đường sắt Bắc - Nam, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt Kép - Bãi Cháy; xây dựng mới tuyến Yên Viên - Phủ Lý - Bãi Cháy và xây dựng một số đoạn tuyến, các đường nhánh nối với cảng, khu công nghiệp, khu kinh tế và kết nối với các tuyến hiện tại.

+ Hệ thống các công trình phục vụ đường sắt:

. Nâng cấp, cải tạo hệ thống nhà ga trong vùng nhằm đáp ứng nhu cầu lâu dài;

. Nâng cấp các nút giao giữa đường sắt và các tuyến quốc lộ thành nút giao khác cốt. Các tuyến đường sắt đi qua đô thị lớn được xây dựng trên cao tránh xung đột giao thông trong khu vực đô thị.

- Đường thủy

+ Đường biển:

. Xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng để có thể tiếp nhận tàu từ 30.000 DWT - 80.000 DWT;

. Xây dựng mới cảng chuyên dùng Hải Hà phục vụ cho công nghiệp nặng và năng lượng;

. Cải tạo nâng cấp cảng than Cẩm Phả, cảng Hòn Nét phục vụ cho ngành công nghiệp khai khoáng;

. Xây dựng các bến còn lại của cảng Cái Lân, Đình Vũ;

. Xây dựng mới cảng hành khách quốc tế Hòn Gai;

. Nghiên cứu di dời cảng xăng dầu B12 đến khu vực hạ lưu sông Chanh;

. Cảng Hải Phòng: duy trì luồng vào cảng Hải Phòng để cho tàu 10.000 DWT đến 20.000 DWT ra vào;

. Di chuyển cảng Hoàng Diệu để xây dựng đô thị và cảng hành khách quốc tế;

. Luồng tàu vào khu vực Hải Phòng: đầu tư nạo vét luồng Nam Triệu vào cảng Hải Phòng, luồng chính vào cảng là luồng Lạch Huyện qua kênh Hà Nam.

. Xây dựng cảng và Trung tâm hậu cần tìm kiếm cứu nạn.

+ Các cảng địa phương

. Nâng cấp cải tạo các cảng hiện có như cảng Mũi Chùa, Vạn Hoa, Vạn Gia,

Cái Rồng, Dân Tiên, Điền Công (Quảng Ninh), cảng Diêm Điền (Thái Bình), cảng Hải Thịnh (Nam Định) phục vụ phát triển kinh tế địa phương, có thể tiếp nhận tàu từ 1.000 DWT - 2000 DWT. Ngoài ra nếu điều kiện cho phép có thể đầu tư cảng mới tại khu vực Rạng Đông (Nam Định) tiếp nhận tàu trọng tải lớn phục vụ cho khu công nghiệp VINASHIN.

+ Đường sông:

. Cải tạo, hoàn thiện các tuyến vận tải thủy chính: sông Đá Bạc, sông Bạch Đằng, sông Cẩm, sông Lạch Tray, sông Văn Úc, sông Thái Bình, sông Luộc, sông Trà Lý, sông Hồng, sông Ninh Cơ, sông Đáy...;

. Cải tạo, nạo vét hệ thống các cửa sông như Cửa Cẩm, Cửa Nam Triệu, Cửa Lạch Giang, Cửa Văn Úc, Cửa Đáy;

. Xây dựng mới cảng Nam Định, cảng Tân Đệ trên sông Hồng;

. Cải tạo xây dựng hệ thống cảng sông quốc gia bao gồm: các cảng thuộc địa phận Hải Phòng, cảng Nam Định và cảng Ninh Phúc...;

. Cải tạo xây dựng hệ thống cảng, bến bãi địa phương và các cảng chuyên dùng khác;

. Nghiên cứu và quy hoạch chính trị các đoạn sông tạo luồng phục vụ cho giao thông thủy đối với các tuyến sông nội địa.

+ Các cảng tiềm năng và cảng cửa ngõ của khu vực phía Bắc (giai đoạn 2010 - 2025):

. Quy hoạch cảng tiềm năng Cẩm Phả: là cảng chuyên dùng phục vụ cho công nghiệp khai khoáng, công nghiệp vật liệu xây dựng cho tàu trọng tải 30.000 DWT hoặc lớn hơn.

- Đường hàng không

+ Nâng cấp cảng hàng không Cát Bi trở thành cảng hàng không quốc tế dự bị cho sân bay quốc tế Nội Bài;

+ Duy trì, nâng cấp sân bay quân sự Kiên An;

+ Xây dựng mới sân bay Vân Đồn (Quảng Ninh);

+ Xây dựng các sân bay taxi tại các địa điểm thích hợp để phục vụ du lịch, cứu hộ, cứu nạn, kinh tế đối ngoại... (tại đảo Bạch Long Vĩ, đảo Cô Tô, đảo Cát Bà, Đồ Sơn, Tiên Hải, Nghĩa Hưng, Giao Thủy, Tràng An...).

Giao thông đô thị và nông thôn

- Giao thông đô thị

+ Các chỉ tiêu:

. Quỹ đất dành cho giao thông đô thị phải đạt 20 - 25% tổng diện tích đất xây dựng thành phố;

. Mật độ bình quân đường giao thông tại khu vực trung tâm 6 - 8 km/km², các khu vực khác 3 - 5 km/km².

+ Tổ chức hệ thống giao thông đô thị:

. Xây dựng các tuyến cửa ngõ ra vào thành phố trung tâm Vùng, các nút giao cắt lập thể tại các giao lộ lớn;

. Xây dựng các tuyến tránh đô thị, hình thành đường vành đai tại một số thành phố có các trục lộ quan trọng đi qua. Xây dựng các bến xe khách phục vụ đi lại, du lịch;

. Nâng cấp hệ thống giao thông nội đô các đô thị trong vùng. Lựa chọn phương thức vận tải công cộng phù hợp với từng đô thị (tàu điện bánh hơi, tàu điện bánh sắt, metro, xe bus...);

. Nghiên cứu đầu tư xây dựng các công trình ngầm giao thông đô thị một cách hợp lý và hiệu quả cho từng khu vực.

- Giao thông nông thôn

+ Nâng cấp mạng lưới đường giao thông nông thôn nối liền với mạng lưới giao thông quốc gia. Cải tạo các nút giao thông, xây dựng điểm giao cắt khác mức với các trục quốc lộ để bảo đảm an toàn cho người tham gia giao thông;

+ Tiếp tục xây dựng hệ thống đường liên thôn, xã tạo thành mạng lưới giao thông nông thôn liên hoàn đến các thôn, xã, bảo đảm 100% các đường giao thông theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp nông thôn;

+ Kiên cố hóa hệ thống các cầu, cống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- Công tác nền:

+ Tôn trọng địa hình tự nhiên, san nền giạt cấp đối với các khu vực có độ dốc lớn (khu vực Quảng Ninh, Ninh Bình);

+ Tìm các giải pháp tiêu thoát nước thủy lợi kết hợp với bảo vệ các nguồn tài nguyên nước đáp ứng nhu cầu cấp nước cho nông nghiệp, công nghiệp, đô thị nhằm bảo đảm thúc đẩy phát triển bền vững;

+ Lựa chọn cao độ nền phù hợp cho từng đô thị, điểm dân cư nông thôn, các khu vực đồng bằng, ven biển, đáp ứng yêu cầu giao thông, thoát nước bảo đảm không ngập úng, ngập lũ do thủy triều;

+ Tăng cường quan trắc hiện tượng nước biển dâng cao do nhiệt độ của trái đất tăng lên.

- Thoát nước mưa:

+ Chỉ tiêu mạng lưới cống tại các thành phố, thị xã đạt 100 - 140 m cống/ha xây dựng;

+ Chỉ tiêu tại các thị trấn đạt 80 - 100 m cống/ha xây dựng;

+ Về nguyên tắc, nên xây dựng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải riêng biệt;

+ Các đô thị cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới, tùy theo điều kiện cụ thể có thể sử dụng hệ thống thoát nước chung hoặc riêng. Mạng lưới phân bố đều trên diện tích xây dựng đô thị, thoát nước nhanh, tránh lụt cục bộ, bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Các công trình thủy lợi:

+ Xây dựng hệ thống phân lũ, chậm lũ từ đầu nguồn, xây dựng hồ chứa, hệ thống đập tràn nhằm ngăn mặn và trữ nước ở các khu vực hạ lưu;

+ Tăng cường công tác trồng và quản lý rừng đầu nguồn để chống xói lở, tăng độ che phủ rừng phòng hộ.

- Các công trình phòng, chống bão

+ Củng cố và nâng cấp hệ thống đê biển, bảo đảm an toàn phòng, chống gió bão từ cấp 9 đến cấp 12, triều trung bình tần suất 5%;

+ Tăng cường trồng rừng ngập mặn, rừng bảo hộ ven biển, bảo đảm phòng, chống bão lũ, chống xói mòn do xâm thực của biển.

c) Định hướng cấp điện:

- Phụ tải điện:

Phụ tải điện Vùng Duyên hải Bắc Bộ ở các giai đoạn là:

+ Đợt đầu: 11.400 MW (giai đoạn 2008 - 2015);

+ Đợt hai: 13.400 MW (giai đoạn 2015 - 2025).

- Định hướng cấp điện:

+ Nguồn điện hiện có: các nhà máy nhiệt điện Ung Bí công suất 105 MW, Phả Lại công suất 1.200 MW, Ninh Bình công suất 100 MW; nhà máy thủy điện Hòa Bình công suất 1.920 MW;

+ Nguồn điện dự kiến: nhà máy nhiệt điện Hải Hà công suất 2.400 MW, Mông Dương công suất 1.200 MW, Cẩm Phả công suất 600 MW, Cái Bang công suất 1.200 MW, Mạo Khê công suất 1.200 MW, nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2 công suất 1.200 MW, nhiệt điện Hải Phòng 3 công suất 2.400 MW, nhiệt điện Thái Bình công suất 1.800 MW, nhiệt điện Nam Định công suất 1.200 MW;

+ Đường dây truyền tải: phát triển lưới điện đấu nối với hệ thống điện quốc gia để khai thác có hiệu quả các công trình thủy điện và nhiệt điện. Xây dựng lưới điện 500 KV Sóc Sơn đi Quảng Ninh, nhánh rẽ đi trạm 500 KV Hải Phòng và các lưới 220 KV cùng các trạm 500 KV, 220 KV trên địa bàn các tỉnh trong vùng;

+ Sử dụng các nguồn năng lượng khác: nghiên cứu phát triển nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng gió và các nguồn năng lượng khác nhằm đáp ứng nhu cầu

của nhân dân các vùng sâu, vùng xa, các vùng hải đảo;

+ Định hướng cấp điện: đến năm 2015, 100% dân cư đô thị được cấp điện sinh hoạt; 100% số xã, thôn, bản được sử dụng lưới điện quốc gia, ngoại trừ đảo Cô Tô, đảo Bạch Long Vĩ... sử dụng điện bằng các cụm máy phát diesel, năng lượng gió và năng lượng mặt trời.

- Cấp nước:

Bảo vệ nguồn nước, duy trì cải thiện nguồn nước hiện có, mở rộng và tăng cường dung lượng các hồ chứa nước trong vùng, tìm kiếm và phát hiện các nguồn nước mới nhằm bảo đảm có nguồn nước dự trữ an toàn và bền vững.

- Nguồn nước mặt:

Nguồn nước mặt được lấy từ hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình thông qua sông Đào, sông Trà Lý, sông Đa Độ, sông Rế, sông Giá. Khu vực phía Bắc (Quảng Ninh) nguồn nước được lấy từ sông Ka Long, sông Tiên Yên và hồ Yên Lập, hồ Cao Vân...

- Nguồn nước ngầm:

Nguồn nước ngầm trong vùng bị hạn chế và nhiễm mặn. Chỉ khai thác nước ngầm đối với khu vực nằm xa nguồn nước mặt (khu vực nông thôn, hải đảo).

- Định hướng cấp nước:

+ Đến năm 2015: 95% dân tại các thành

phố, thị xã và 85% số dân tại các thị trấn được cấp nước sạch sinh hoạt;

+ Đến năm 2025: 100% dân tại các thành phố, thị xã và 95% số dân tại các thị trấn được cấp nước sạch sinh hoạt;

+ Các điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ cấp nước sạch 85 - 95%.

d) Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt tại các thành phố và thị xã, thị trấn phải được xử lý trước khi xả ra môi trường. Giai đoạn đầu kết hợp với các hệ thống sông hồ sẵn có để xử lý vi sinh. Giai đoạn lâu dài, xây dựng các nhà máy xử lý nước thải cho thị xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn loại B (TCVN 5942 - 1995). Tại các thị tứ và các cụm dân cư nông thôn, nước thải được xử lý bằng phương pháp tự làm sạch.

- Nước thải công nghiệp:

+ Nước thải công nghiệp của các nhà máy xí nghiệp xây dựng phân tán được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn B (TCVN 5945 - 1995). Nước thải của các khu công nghiệp tập trung phải được xử lý tại trạm xử lý nước thải công nghiệp đạt tiêu chuẩn B trước khi xả ra môi trường.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: xây dựng khu xử lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh có

nhà máy chế biến phân hữu cơ tại các đô thị lớn hoặc vùng liên đô thị. Tại các thị xã, thị trấn sử dụng bãi chôn lấp hợp vệ sinh;

+ Chất thải rắn công nghiệp: được phân loại tại nguồn để xử lý và tái chế. Chất thải công nghiệp nguy hại được đưa về xử lý tại khu xử lý cấp vùng liên tỉnh.

- Nghĩa trang:

+ Xây dựng nghĩa trang cấp vùng tỉnh ở khu vực gần đô thị hạt nhân của tỉnh. Các thị tứ, cụm dân cư tập trung, khu vực nông thôn, xây dựng các nghĩa trang riêng phù hợp với quy mô dân số, bố trí xa dân cư, nguồn nước, quy mô nghĩa trang đô thị khoảng 2,5 - 15 ha, các xã khoảng 0,5 - 1 ha.

đ) Định hướng bảo vệ môi trường:

- Xây dựng hệ thống quản lý môi trường vùng, gắn với việc quản lý, phòng tránh ô nhiễm nguồn nước ở các lưu vực sông trong vùng và các vùng khác;

- Bảo vệ môi trường biển: các giải pháp chống suy thoái môi trường do xói lở, bồi tụ, bảo vệ hệ sinh thái, rừng ngập mặn ở cửa sông ven biển. Bảo vệ đa dạng sinh học: hệ sinh thái biển, sinh thái rừng và sinh thái vùng đồng bằng ven biển;

- Có kế hoạch và biện pháp đối phó với tai biến, thảm họa và rủi ro môi trường.

8. Định hướng phát triển nông nghiệp nông thôn

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái sạch;

- Hình thành các vùng sản xuất lúa rau, hoa, cây cảnh, chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm... có quy mô thích hợp chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa nhằm nâng cao giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích;

- Phát triển nghề tiểu thủ công nghiệp, các cụm công nghiệp làng nghề nâng cao độ tinh xảo, mẫu mã của sản phẩm để bảo đảm yêu cầu xuất khẩu và phục vụ cho du lịch;

- Đầu tư củng cố nâng cấp hệ thống đê điều, hệ thống thủy lợi và khuyến nông;

- Phát triển nuôi trồng thủy, hải sản từ các vùng có lợi thế và điều kiện cho phép đánh bắt xa bờ. Hình thành các trung tâm chế biến thủy, hải sản;

- Phát triển lâm nghiệp toàn diện với 3 loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Củng cố phát triển hệ thống rừng phòng hộ ven biển;

- Xây dựng mô hình nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa làng xóm Việt Nam.

9. Quốc phòng, an ninh

Ổn định các cơ sở quốc phòng, an

ninh trên toàn vùng. Quy hoạch tổng thể hệ thống quốc phòng, an ninh bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt là vùng biên giới đất liền và hải đảo.

10. Các chương trình dự án ưu tiên

Để từng bước thực hiện Quy hoạch xây dựng Vùng Duyên hải Bắc Bộ có hiệu quả, giai đoạn đầu cần tập trung vào các chương trình, dự án sau:

a) Hạ tầng xã hội:

- Xây dựng trung tâm hội nghị hội thảo quốc tế của Vùng tại Hải Phòng;

- Xây dựng các cơ sở giáo dục, đại học, trung học công nghiệp, dạy nghề tại các tỉnh trong vùng;

- Xây dựng các bệnh viện cấp Vùng tại Hải Phòng và cấp khu vực tại các tỉnh trong vùng;

- Xây dựng hệ thống các công trình thương mại đầu mối tại các tỉnh trong vùng;

- rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, công nghiệp không phù hợp với quy hoạch vùng tại các tỉnh trong vùng;

- Khu du lịch hang động Tràng An tại tỉnh Ninh Bình;

- Xây dựng các trung tâm thể thao cấp Vùng tại Hải Phòng, cấp khu vực tại Nam Định, Ninh Bình;

- Đầu tư xây dựng các khu du lịch Trà Cổ, Vân Đồn, Cát Bà, Đồ Sơn, Đông Châu, Chùa Keo, Cô Lễ, Côn Lu - Côn Vành, Côn Thủ, Quất Lâm, Cúc Phương, Vân Long, Yên Tử, Đền Trần, Cố đô Hoa Lư... tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:

+ Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cầu Đình Vũ - Cát Hải;

+ Đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hạ Long - Móng Cái;

+ Xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng;

+ Khảo sát và lập dự án tuyến đường cao tốc ven biển qua các tỉnh trong vùng;

+ Nâng cấp quốc lộ 39 từ Diêm Điền đi Hưng Yên tại Thái Bình;

+ Nâng cấp tuyến đường 21 từ Nam Định đi Phủ Lý và đoạn Nam Định - Thịnh Long tại Nam Định;

+ Làm mới tuyến đường từ Nam Định - Lâm - Nho Quan tại Nam Định, Ninh Bình;

+ Hoàn thiện đường cao tốc quốc lộ I tại Ninh Bình;

+ Nâng cấp quốc lộ 10 đoạn Ninh Bình - Phát Diệm tại Ninh Bình;

+ Nâng cấp sân bay Cát Bi, Hải Phòng;

+ Xây mới sân bay Vân Đồn tại Quảng Ninh;

+ Xây dựng tuyến đường sắt Hải Phòng - cảng quốc tế Hải Phòng;

+ Nâng cấp cảng Diêm Điền tại Thái Bình;

+ Nâng cấp đường 12B nối Phát Diệm - đường Hồ Chí Minh.

+ Hoàn thiện cảng và Trung tâm dịch vụ hậu cần tìm kiếm cứu nạn.

- Cấp nước:

+ Xây dựng nhà máy nước liên vùng tại Yên Hưng - Quảng Ninh;

+ Xây dựng mới và nâng cấp các nhà máy nước vùng tỉnh.

- Cấp điện:

+ Hoàn thiện và xây dựng các nhà máy nhiệt điện tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình.

- Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

+ Xây dựng các khu xử lý rác thải tập trung của các tỉnh;

+ Xây dựng khu xử lý rác thải độc hại liên vùng tại Quảng Ninh;

+ Nghĩa trang sinh thái;

- + Nghĩa trang nhân dân cấp vùng tỉnh.
 - Bảo vệ môi trường:
 - + Xử lý môi trường các khu khai thác mỏ;
 - + Xây dựng chương trình giám sát môi trường đối với các vùng đô thị và các khu công nghiệp lớn.
- c) Hạ tầng kinh tế:
- + Hoàn thiện các khu công nghiệp tại các trung tâm vùng tỉnh tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình;
 - + Xây dựng khu công nghiệp cảng Hải Hà tại Quảng Ninh;
 - + Xây dựng khu kinh tế Vân Đồn tại Quảng Ninh;
 - + Xây dựng khu kinh tế liên tỉnh Quảng Ninh - Hải Phòng;
 - + Xây dựng khu công nghiệp cảng sông Văn Úc, cầu Kiền tại Hải Phòng;
 - + Xây dựng khu công nghệ cao Bắc sông Cẩm tại Hải Phòng;
 - + Hoàn thiện trung tâm hậu cần nghề cá Cát Bà, Bạch Long Vĩ tại Hải Phòng;

+ Hoàn thiện và xây dựng khu công nghiệp cảng Thịnh Long tại Nam Định;

+ Hoàn thiện hệ thống các nhà máy xi măng tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình.

11. Mô hình tổ chức thực hiện

Thành lập Ban Chỉ đạo liên tỉnh để chỉ đạo các chương trình dự án cấp vùng tạo điều kiện huy động các nguồn vốn đầu tư theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và các tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng